TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT
Ngày: 18/3/2021
Về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng công trình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Hồng Hải
- *Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Lệ Thu
Ông Hồ Đức Quang

-*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2020/TLPT-DS ngày 17/11/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng xây dựng công trình"*

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐXX-PT ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Trung T; trú tại: thôn Hải V, xã Kỳ Đ, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh *(có mặt)*

+ Ông Nguyễn Tiến H; trú tại: TDP Hưng H, phường Sông T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh *(vắng mặt, ủy quyền cho ông Nguyễn Trung T)*

- Bị đơn: Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh; địa chỉ: Tiểu khu 6, TDP Hưng T, phường Hưng T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Bích L – Giám đốc *(vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A – Luật sư, VP Luật sư Vinh D và cộng sự, đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Vinh D – Luật sư, VP Luật sư Vinh D và cộng sự, đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An *(có mặt)*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn T – nguyên

giám đốc công ty CPTMDV Hà Tĩnh *(vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A – Luật sư, VP Luật sư Vinh D và cộng sự, đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An *(có mặt)*

Người làm chứng:

1. Ông Cao Văn C, sinh năm: 1979; trú tại: xóm 15, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh *(vắng mặt)*

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1978; trú tại: xóm 2, xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh *(vắng mặt)*

3. Ông Nguyễn Doãn H, sinh năm: 1980; trú tại: Siêu thị Phú T, ngã ba Bích C, phường Hưng T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh *(vắng mặt)*

4. Bà Trương Thị H, sinh năm: 1960; trú tại: TDP Hưng L, phường Hưng T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh *(vắng mặt)*

5. Ông Bùi Trọng D, sinh năm: 1976; trú tại: tiểu khu 4, TDP Hưng T, phương Hưng T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay, vụ án có nội dung như sau:

Đồng nguyên đơn trình bày: Tháng 05/2005, ông Nguyễn Tiến H giao kết hợp đồng với ông Nguyễn Văn T - Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ (CPTMDV) Hà Tĩnh, hợp đồng nhận xây lắp con đường vào UBND xã Quế L, huyện Quế S, tỉnh Quảng Nam, dài 860m, giá được tính theo giá dự toán của chủ đầu tư. Sau khi giao nhận mặt bằng xong, thì ông H có việc ở nước ngoài nên không thể tiếp tục T hiện hợp đồng được nữa. Sau khi bàn bạc ông T thống nhất giao lại công trình cho ông Nguyễn Trung T là cán bộ của Công ty CPTMDV Hà Tĩnh vào thời điểm đó, thay ông H thi công công trình này, dựa trên cơ sở các điều khoản trong hợp đồng đã ký là: Bên B tự bỏ tiền thuê nhân công, mua vật tư, thuê xe máy, công cụ phục vụ thi công, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Công ty CPTMDV Hà Tĩnh từ việc thi công, chỉ đạo kỹ thuật, đến nghiệm thu thanh quyết toán, xuất ứng theo khối lượng nghiệm thu theo từng giai đoạn, trả hết tiền khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Ông H chỉ đầu tư vốn cho ông T để thi công do hai người tự bàn bạc riêng.

Kể từ năm 2005 đến năm 2008, công trình đã hoàn thành bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, được chủ đầu tư nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Tổng giá trị quyết toán được nhận lại sau khi T hiện xong công trình (Do Công ty CPTMDV Hà Tĩnh lập là 1.575.760.000 đồng). Trong quá trình thi công, nguyên đơn đã tạm ứng 6 lần với số tiền 840.000.000 đồng; tiền Công ty CPTMDV Hà Tĩnh chuyển khoản trả ngày 10/02/2015 là 65.000.000 đồng; tiền xi măng 5.640.000 đồng; tiền mua ống cống 13.000.000 đồng; tiền công xử lý

khe co giãn 6.500.000 đồng; trừ tiền thuế giá trị gia tăng là 102.397.000 đồng. Tổng các khoản trên là 1.032.537.000 đồng. Đối với số tiền chi phí quản lý 3%, T tế nguyên đơn phải nộp là 47.272.000 đồng, nhưng nguyên đơn đã nộp 57.490.000 đồng; Do đó nguyên đơn đã nộp thừa số tiền chi phí 3% là 10.217.000 đồng. Số tiền Công ty CPTMDV Hà Tĩnh còn nợ chưa thanh toán trả sau khi trích chi phí quản lý là 553.440.537 đồng.

Ngày 19/10/2015, ông T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND thị xã Kỳ A giải quyết. Ngày 21/12/2016, TAND thị xã Kỳ A đã đưa vụ án ra xét xử, buộc Công ty CPTMDV Hà Tĩnh trả số tiền mà công ty đang còn nợ là 553.440.000 đồng.

Ngày 15/05/2017, TAND tỉnh Hà Tĩnh đưa ra vụ án trên ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên toà ông T đã rút đơn, sau khi có ý kiến của Viện kiểm sát đây không phải là vụ án kinh doanh thương mại mà là vụ án dân sự. Nhưng TAND thị xã Kỳ A lại xác định đây là án kinh doanh thương mại nên ông T rút đơn khởi kiện để Toà án xem xét theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 15/05/2017, TAND tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định đình chỉ số 01/2017/QĐ-PT đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau khi có quyết định đình chỉ vụ án, ông H đứng tên nộp đơn khởi kiện, ngày 29/11/2018 ông H rút đơn khởi kiện vì xét thấy ông H đứng tên khởi kiện là không hợp lý.

Ngày 13/12/2018, ông T lại đứng tên khởi kiện vụ án dân sự gửi tới TAND thị xã Kỳ A theo nội dung trên, nhưng đến ngày 20/09/2019 ông T lại rút đơn khởi kiện với lý do một mình ông T đứng tên khởi kiện trong vụ án cũng chưa hợp lý.

Nay, ông T và ông H đồng đứng tên trong đơn khởi kiện. Yêu cầu TAND thị xã Kỳ A buộc Công ty CPTMDV Hà Tĩnh trả cho ông T và ông H số tiền 553.440.000 đồng mà Công ty CPTMDV Hà Tĩnh đang còn nợ hai ông. Tại biên bản hoà giải ngày 28/08/2020, ông T có ý kiến giữa ông và ông H không có sự phân chia hay tranh chấp gì số tiền riêng của từng người, ông T yêu cầu Công ty CPTMDV Hà Tĩnh có trách nhiệm chuyển trả số tiền nợ của hai ông theo số tài khoản của ông H. Ông H đã có giấy uỷ quyền ngày 02/07/2020 cho ông T thay mặt ông giải quyết toàn bộ vụ kiện từ khi khởi kiện đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn Công ty CPTMDV Hà Tĩnh, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T, chức vụ Giám đốc. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Toà án đã tiến hành các hoạt động theo thủ tục tố tụng để thu thập chứng cứ nhưng bị đơn vắng mặt, không chấp hành giấy triệu tập làm việc của Toà án nên không có bản tự khai, không có văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không có yêu cầu phản tố. Tuy nhiên đến ngày 10/08/2020, Công

ty CPTMDV Hà Tĩnh đã cung cấp cho TAND thị xã Kỳ A Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp công ty cổ phần, mã doanh nghiệp: 3000167117 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/04/2020 đối với người đại diện theo pháp luật là bà Võ Thị Bích L chức vụ giám đốc thay thế ông Nguyễn Văn T. Công ty CPTMDV Hà Tĩnh đã có uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị A, Luật sư – Văn phòng Luật sư Vinh d và cộng sự, thuộc đoàn luật sư tỉnh Nghệ An có nộp cho Toà án bản tự khai ngày 28/07/2020 và bản tự khai ngày 27/08/2020 có ý kiến đề nghị phía nguyên đơn cho biết, trong tổng số tiền 553.440.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu thì Công ty phải trả cho ông Nguyễn Trung T và ông Nguyễn Tiến H là bao nhiêu và cơ sở thanh toán khoản tiền đó. Công ty CPTMDV Hà Tĩnh không chấp nhận khi không phân định được số tiền phải trả cho từng người và không đưa ra được cơ sở để yêu cầu. Ngoài ra Công ty CPTMDV Hà Tĩnh không ký hợp đồng với ông T còn đối với ông H thì không phải là người trực tiếp thi công công trình, vì vậy Công ty CPTMDV Hà Tĩnh không phát sinh trách nhiệm đối với hai ông, còn trách nhiệm giữa ông T và ông H như thế nào thì tự hai ông giải quyết không liên quan đến Công ty CPTMDV Hà Tĩnh.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã T hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Văn T nguyên giám đốc Công ty CPTMDV Hà Tĩnh và bà Võ Thị Bích L hiện là giám đốc thay ông T. Mặc dù đã được giao nhận đầy đủ giấy triệu tập của Toà án nhưng ông T và bà L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Các buổi làm việc tại Toà án ông và bà đều vắng mặt nên không có yêu cầu phản tố cũng như yêu cầu độc lập.

Tại bản án KDTM số 02/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 238 BLTTDS năm 2015; các Điều 121, 124, 388, 402, 518, 519, 520 và 524 BLDS năm 2005; các Điều 357, 468 BLDS năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Xử vắng mặt ông Nguyễn Tiến H, bị đơn bà Võ Thị Bích L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T.

2. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh phải T hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Trung T và ông Nguyễn Tiến H số tiền 553.440.000 đồng *(Năm trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn).*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2020, bị đơn Công ty CPTMDV Hà Tĩnh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 28/10/2020, Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh có Quyết định kháng nghị số 33/QĐKNPT-VKS với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của TAND thị xã Kỳ A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự và nêu quan điểm rằng tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp nghĩa vụ trả nợ" nhưng nhận định thì lại là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng xây dựng". Xét về hình thức hợp đồng, nội dung hợp đồng không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng không số được ký kết giữa bên nhận thầu xí nghiệp thương mại xây dựng số 2 với bên giao thầu là công ty thương mại, dịch vụ tổng hợp Nam Hà Tĩnh vô hiệu cả về nội dung cũng như hình thức. Vì vậy, tại phần buộc số tiền thanh toán chưa có cơ sở và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015 chấp nhận kháng nghị của Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh, chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của TAND thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, TAND tỉnh Hà Tĩnh nhận định như sau:

[1] Theo Hợp đồng xây lắp ngày 25/6/2005 phản ánh:

+ Tại điểm 1. Mục 3 - Bên A: Công ty thương mại, dịch vụ tổng hợp Nam Hà Tĩnh – đại diện ông Nguyễn Văn T – Giám đốc;

+ Tại điểm 2 Mục 3 – Bên B: Xí nghiệp thương mại số 2 - đại diện ông Nguyễn Tiến H - Chức vụ : chỉ huy trưởng; ông Nguyễn Trung T - Giám đốc Xí nghiệp thương mại số 2 - chỉ huy phó.

+ Phần ký tên , đóng dấu:

* Bên giao thầu ông Nguyễn Văn T ký và đóng dấu công ty Thương mại, dịch vụ tổng hợp Nam Hà Tĩnh.

* Bên nhận thầu ông Nguyễn Tiến H ký và đóng dấu Doanh nghiệp tư nhân Tiến H

Xét thấy, ông Nguyễn Tiến H và ông Nguyễn Trung T không có quyền khởi kiện, vì:

Theo Hợp đồng xây lắp (không số ngày 25/6/2005) thì Bên nhận thầu là Xí nghiệp thương mại xây dựng số 2, đại diện là ông Nguyễn Trung T mà Xí nghiệp thương mại xây dựng số 2 là đơn vị trực thuộc Công ty thương mại dịch vụ Nam Hà Tĩnh. Do là đơn vị trực thuộc, ông T chỉ là nhân viên thuộc Công ty thương mại dịch vụ Nam Hà Tĩnh và ông T không ký vào Hợp đồng xây lắp (không số ngày 25/6/2005) nên ông T không có quyền khởi kiện.

Cũng theo Hợp đồng xây lắp (không số ngày 25/6/2005) thì ông Nguyễn Tiến H là Chỉ huy trưởng của Xí nghiệp thương mại xây dựng số 2, đại diện cho Xí nghiệp thương mại xây dựng số 2 để ký Hợp đồng xây lắp (không số ngày 25/6/2005). Tuy nhiên, ký tên đại diện nhận thầu và đóng dấu lại là Doanh nghiệp tư nhân Tiến H. Như vậy, ông Nguyễn Tiến H ký vào Hợp đồng xây lắp (không số ngày 25/6/2005) với tư cách là đại diện cho Doanh nghiệp tư nhân Tiến H và không có quyết định bổ nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng. Không có tài liệu nào thể hiện vấn đề này trong hồ sơ.

Theo Hợp đồng xây lắp ngày 25/6/2005 thì Bên giao thầu là *Công ty thương mại dịch vụ Nam Hà Tĩnh.* Nguyên đơn khởi kiện *Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh* vì cho rằng *Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh* được đổi tên từ *Công ty thương mại dịch vụ Nam Hà Tĩnh.* Tuy nhiên hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện *Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh* được đổi tên từ *Công ty thương mại dịch vụ Nam Hà Tĩnh.* Trong khi đó, hồ sơ vụ án có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 09/4/2020 (thay đổi lần thứ 11) do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh không thể hiện được chuyển đổi tên từ công ty nào, có phải được chuyển đổi từ *Công ty thương mại dịch vụ Nam Hà Tĩnh* hay *Công ty thương mại dịch vụ Nam Hà Tĩnh* được cổ phần hóa thành *Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh.* Cần phải làm rõ nội dung này để xác định *Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh* có phải là bị đơn hay không, có phải là doanh nghiệp kế thừa quyền và nghĩa vụ của *Công ty thương mại dịch vụ Nam Hà Tĩnh* do được chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi*;* nếu kế thừa thì kế thừa từ thời điểm nào và có kế thừa nghĩa vụ của Hợp đồng xấy lắp nói trên hay không.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai rằng Doanh nghiệp tư nhân Tiến H đổi thành Công ty cổ phần Tiến H. Nếu *Doanh nghiệp tư nhân Tiến H* được đổi thành *Công ty cổ phần Tiến H* thì *Doanh nghiệp tư nhân Tiến H* không còn tồn tại, không có tư cách khởi kiện. Nếu đúng *Doanh nghiệp tư nhân Tiến H* được đổi thành *Công ty cổ phần Tiến H* thì nguyên đơn phải là Công ty cổ phần Tiến H. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không có tài liệu (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) chứng minh *Doanh nghiệp tư nhân Tiến H* được đổi thành *Công ty cổ phần Tiến H* để xác định nguyên đơn là ai, người có quyền khởi kiện là ai.

Theo quy định từ Điều 150 đến Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2005; từ Điều 192 đến Điều 199 Luật Doanh nghiệp 2014; từ Điều 198 đến Điều 205 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2005 và Điều 8 Nghị định 187/2004/ND-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ quy định việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần thì doanh nghiệp được chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi, cổ phần hóa kế thừa các quyền và nghĩa vụ doanh nghiệp bị chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi, cổ phần hóa

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng thì *"Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên để T hiện một, một số hay toàn bộ công việc trong hoạt động xây dựng".*Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng thì *"Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để T hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng"*. Theo quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng năm 2003 thì *"Hợp đồng trong hoạt động xây dựng được xác lập cho các công việc lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, giám sát, thi công xây dựng công trình, quản lý dự án xây dựng công trình và các công việc khác trong hoạt động xây dựng"*. Theo quy đại tại khoản 1 Điều 138 Luật Xây dựng năm 2014 thì *"Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để T hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng*".

Theo các quy định trên, Hợp đồng xây lắp (không số ngày 25/6/2005) là hợp đồng xây dựng và là hợp đồng dân sự. Việc áp dụng thời hiệu được T hiện theo quy định của pháp luật liên quan và pháp luật dân sự. Theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về

Hợp đồng trong hoạt động xây dựng thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm. Theo quy định tại Điều 427 BLDS năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp Hợp đồng dân sự là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm. Theo quy định tại Điều 429 BLDS năm 2015 thì thời hiệu giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/5/2018 ông Nguyễn Tiến H có khai *"quyền và lợi ích bị xâm phạm từ năm 2008 thời điểm xây dựng xong công trình nhưng ông T không thanh toán*". Như vậy, kể từ thời điểm quyền và lợi ích bị xâm phạm từ năm 2008 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện nên ông H và ông T không có quyền khởi kiện. Vì thế, TAND huyện Kỳ A thụ lý vụ án khi đã hết thời hiệu khởi kiện.

TAND thị xã Kỳ A cũng nhận định "*sau khi thi công xong công trình đến nay các bên vẫn chưa bàn bạc thống nhất được với nhau về khối lượng công trình, chưa đối chiếu khấu trừ khoản tiền, vật tư đã tạm ứng cũng như thanh toán các chi phí khác. Biên bản thanh lý hợp đồng đưa ra chỉ là ý kiến của một bên, chưa phải ý kiến thống nhất giữa hai bên*". Theo nhận định này và trên T tế giữa bị đơn và nguyên đơn đang có tranh chấp về chủ thể của việc ký kết hợp đồng và T hiện hợp đồng, chưa thống nhất được giữa bên ký kết và T hiện hợp đồng là ai, nghĩa vụ phải thanh toán và quyền được thanh toán là ai; chưa thống nhất được khối lượng công trình, tạm ứng... Như vậy, phải xác định tranh chấp ở đây là tranh chấp Hợp đồng xây dựng chứ không phải là tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ. TAND huyện Kỳ A cũng đã xác định tranh chấp này là Tranh chấp Hợp đồng xây dựng và bị đơn tại phiên tòa cũng đã đề nghị áp dụng thời hiệu nhưng Tòa án không xem xét đình chỉ vụ án do hết thời hiệu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung dẫn đến việc xét xử sai vụ án.

Quá trình thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, công khai chứng cứ, TAND thị xã Kỳ A nhận định quan hệ tranh chấp ở đây là "tranh chấp T hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng xây dựng". Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, TAND thị xã Kỳ A lại nhận định tranh chấp ở đây là "tranh chấp hợp đồng xây dựng". Như vậy, việc nhận định quan hệ tranh chấp ở đây không thống nhất, dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất .

Theo nội dung đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Trung T và ông Nguyễn Tiến H đòi Công ty CPTMDV Hà Tĩnh trả số tiền 553.400.440đ theo hợp đồng xây lắp không số ngày 25/6/2005.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 BLDS năm 2015 quy định:

"*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*".

Theo quy định trên đây thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về nguyên đơn. Tuy nhiên, TAND thị xã Kỳ A không căn cứ vào tài liệu vụ án mà lại căn cứ vào lời khai của ông T và ông H để nhận định ông T đã ứng 840.000.000đ và còn lại số tiền 553.440.573đ một cách chủ quan.

Ông T và ông H cho rằng tổng giá trị quyết toán công trình là 1.575.760.000đ là dựa vào biên bản thanh lý. Tuy nhiên, biên bản thanh lý không có đầy đủ chữ ký của hai bên. Ông T và ông H cũng không chứng minh được vì sao có con số 553.000.00đ. Ông T cũng không xuất trình và chứng minh được những biên lai, hóa đơn ông T đã ứng 840.000.000đ. Về phía tòa án sơ thẩm, chưa thu thập hồ sơ thiết kế công trình, nhật ký công trình, biên bản xác nhận khối lượng công trình, biên bản đối chiếu công nợ, thông báo nghiệm thu từng hạng mục công trình, hóa đơn giá trị gia tăng, các chứng từ, chứng chỉ bảo hành, chứng chỉ nguồn gốc nguyên vật liệu, các chi phí ông T đã bỏ ra trong quá trình thi công; số tiền, vật tư ông T đã ứng, khối lượng hạch toán bù trừ công nợ nhưng chưa được đem vào thanh toán bù trừ khi quyết định trong bản án.

Như vậy theo khoản 1 Điều 91 BLTTDS năm 2015, ông T không chứng minh được cho yêu cầu đòi lại số tiền 553.400.537đ và cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập, xác minh mà buộc Công ty CPTMDV Hà Tĩnh phải thanh toán cho ông T và ông H số tiền 553.400.537 đồng là chưa đảm bảo căn cứ vững chắc. Những thiếu sót này tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 3 Điều 148; Điều 310 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Tĩnh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T

2. Chấp nhận kháng nghị số 33/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh giải quyết lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, trả lại cho bà Võ Thị Bích Lộc 300.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp tại Chi cục THADS thị xã Kỳ A theo biên lai số 0007103 ngày 12/10/2020 và trả lại cho ông Nguyễn Văn T 300.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp tại Chi cục THADS thị xã Kỳ A theo biên lai số 0007102 ngày 12/10/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, chi cục THADS TX Kỳ A;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hải